TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Doanh.

2. Ông Lãnh Văn Việt.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2019/TLST-HNGĐ ngày 5 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp "Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị Đ - Sinh năm 1983.

Trú quán: HT – Thanh Hải – Lục Ngạn – Bắc Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T - Sinh năm 1982.

Trú quán: HT – Thanh Hải – Lục Ngạn – Bắc Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2019 và những lời khai của nguyên đơn chị Vi Thị Đ lời khai của bị đơn anh Nguyễn Minh T và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Chị Vi Thị Đ và và anh Nguyễn Minh T kết hôn với nhau vào tháng 10 năm 2004. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Chị Đ, anh T có đến Ủy ban nhân dân xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị Đ, anh T về chung sống cùng nhau ngay và ở cùng gia đình anh T tại thôn H T, xã Thanh Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang. Chị Đ cho rằng từ năm 2005 giữa chị và anh T bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh T không hợp nhau bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau làm cho tình cảm rạn nứt. Anh T không tu chí làm ăn, nghiện ngập thậm chí còn vi phạm pháp luật phải đi cải tạo. Đến nay anh T cải tạo xong vẫn không chịu sửa đổi. Anh T cho rằng giữa anh và chị Đ không hề có mâu thuẫn gì, từ tháng 2005 anh vi phạm pháp luật phải đi cải tạo đến tháng 11/2017 anh trở về thì chị Đ không về sống cùng anh cho tới nay. Chị Đ đi đâu làm gì anh không biết và chị Đ có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Đến nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T cũng xác định không còn tình cảm với chị Đ tuy nhiên anh chưa đồng ý ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Đ, anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn S - Sinh ngày 9/8/2005. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu S, chị Đào đồng ý để anh T nuôi dưỡng cháu S. Anh T chị Đ đều không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Cháu S cũng có nguyện vọng ở với anh T khi anh T chị Đ ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Chị Đ anh T đều xác nhận vợ chồng anh chị không tài sản chung, ruộng canh tác, không liên quan vay nợ ai, không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ, ruộng canh tác.

Tại phiên tòa chị Đ, anh T đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị Đ, anh T tại phiên tòa.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị Đ: Cho chị Vi Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Minh T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Tuấn S - Sinh ngày 09/8/2005. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vi Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2018/0005395 ngày 05/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Chị Vi Thị Đ khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Nguyễn Minh T. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án theo quy định cho chị Đ, anh T. Chị Đ, anh T cũng đã có bản khai trình bày với Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay chị Đ, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt chị Đ, anh T.

[2] Xét yêu cầu, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ, anh T tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc và kết hôn với nhau vào tháng 10 năm 2004 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đến nay không ai

còn quan tâm tới ai, vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian dài. Chị Đ đề nghị giải quyết ly hôn anh T chưa đồng ý, nhưng anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Đ anh T mâu thuẫn là có thật, vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian đến nay đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Đ đối với anh T: Cho chị Đ được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị Đào anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn S - Sinh ngày 09/8/2005. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng chắm sóc cháu S và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Chị Đ đồng ý để cho anh T nuôi dưỡng cháu S khi vợ chồng ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cháu S là con chung duy nhất của chị Đ và anh T. Do vậy chị Đ và anh T đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục để cháu S phát triển trưởng thành có ích cho gia đình và xã Hội. Khi ly hôn giữa chị Đ và anh T thống nhất được việc người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu S cũng có nguyện vọng ở với anh T. Do vậy cần giao cháu S cho anh T nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu S. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết, vì các đương sự không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Chị Đ anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vi Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**** Vì các lẽ trên.***

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị Đ: Cho chị Vi Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Minh T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Tuấn S - Sinh ngày 09/8/2005. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị Đ được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được ngăn cản chị Đ thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Vi Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2018/0005395 ngày 05/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Văn Thể